

Đặc điểm tri nhận ngôn ngữ của từ chỉ số lượng ít trong tiếng Việt và so sánh với các yếu tố liên quan trong tiếng Hán

Language perception characteristics of small quantity vocabulary in Vietnamese and comparison with related factors in Chinese

Đặng Thụy Liên^{a,b*}
Dang Thuy Lien^{a,b*}

^a*Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Cao, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam*

^b*Khoa Tiếng Trung, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam*

^a*Institute of Research and Development, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Vietnam*

^b*Faculty of Chinese Language, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Vietnam*

(Ngày nhận bài: 09/02/2022, ngày phản biện xong: 18/02/2022, ngày chấp nhận đăng: 02/3/2022)

Tóm tắt

Trong tiếng Việt, cụm từ chỉ số lượng được diễn đạt bằng cấu trúc “số từ + danh từ đơn vị + danh từ”, cấu trúc này thường biểu thị số lượng sự vật, sự việc cụ thể, rõ ràng. Khi muốn biểu thị một số lượng ít, nhỏ, không xác định cụ thể, chúng ta thường sử dụng những cách diễn đạt mang tính ước đoán dựa trên tri nhận ngôn ngữ có tính chủ quan của người nói. Trong tiếng Việt, từ chỉ số lượng ít tương đối nhiều, mỗi từ ngữ có mỗi đặc điểm ngữ nghĩa, ngữ dụng và mức độ biểu thị “lượng” riêng: trong tiếng Hán cũng có từ ngữ tương ứng nhưng số lượng không nhiều, chính điều này cũng gây khó khăn cho người học khi muốn phân biệt điểm tương đồng và khác biệt của các từ ngữ biểu thị số lượng ít trong tiếng Việt và thành phần tương đương trong tiếng Hán. Bài viết đi sâu nghiên cứu đặc điểm ngữ nghĩa, ngữ dụng và so sánh mức độ biểu thị “lượng” các từ chỉ số lượng ít thông dụng trong tiếng Việt là “một ít, một chút, một tí, một vài, một số”, đồng thời so sánh với lượng từ bất định “一点儿, 一些” trong tiếng Hán, từ đó làm nổi bật sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ tiếng Việt và nhấn mạnh những điểm cần chú ý khi dịch song ngữ Việt - Hán.

Từ khóa: Tiếng Việt; tiếng Hán; tri nhận ngôn ngữ; số lượng ít.

Abstract

In Vietnamese, a quantifier is expressed by the structure “quantifier + noun unit + noun”. While in Chinese, the structure “quantifier + quantity noun + noun” is used. These structures often express a specific and clear number of things and events. When we want to express a small, unspecified number of things, we often use predictive expressions based on the subjective linguistic perception of the speaker. In Vietnamese, singular nouns are relatively numerous, and each word has its own semantic, pragmatic and level of expression “quantity”. In Chinese, there are corresponding words but not so many, which also makes it difficult for learners to distinguish the similarities and differences between words denoting a small quantity in Vietnamese and their equivalence in Chinese. The article further studies the semantic and pragmatic characteristics and compares the degree at which quantifiers indicate a small quantifier in Vietnamese such as “little, a few, some”, and compares indefinite quantifier “一点儿, 一些” in Chinese, to highlight the richness and diversity of the Vietnamese language and emphasize the points to which need to be paid attention when translating Vietnamese to Chinese and vice versa.

Keywords: Vietnamese; Chinese; language perception; small quantity.

* *Corresponding Author:* Dang Thuy Lien; Institute of Research and Development, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Vietnam; Faculty of Chinese Language, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Vietnam;

Email: dangthuylien@dtu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Trong tiếng Việt, các từ biểu thị số lượng ít vô cùng phong phú, bao gồm cả từ phổ thông và từ địa phương, như “một vài, một số, một chút, một ít, một tí, một xíu, tí ti, tí tẹo, xíu xiu, tí xíu...”, mỗi từ ngữ có mỗi đặc điểm ngữ pháp, ngữ dụng, mức độ biểu thị lượng ít và đặc trưng vùng miền khác nhau. Do số lượng các từ ngữ này khá nhiều, bài viết không thể đề cập tất cả các từ cụ thể, mà chỉ chú trọng nghiên cứu một số từ thường gặp như “một chút, một tí, một ít, một vài, một số” trên các phương diện ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng, đồng thời so sánh điểm tương đồng và khác biệt của chúng với các lượng từ bất định “一点儿, 一些” trong tiếng Hán. Trong số các từ được liệt kê trên, “một chút, một tí” ngoài chức năng biểu thị số lượng ít, còn biểu thị động lượng ít, thời lượng ngắn, hoặc bỏ nghĩa cho hình dung từ biểu thị mức độ thấp, như “chờ một chút, nghỉ ngơi một chút, dài (hơn) một tí”... Trong phạm vi của bài viết, chúng tôi chỉ chú trọng ý nghĩa số lượng ít, các đặc điểm ý nghĩa khác chúng tôi sẽ không đề cập trong bài viết này.

2. Tổng quan về từ chỉ số lượng ít trong tiếng Việt

Khi biểu thị số lượng sự vật, sự việc, cấu trúc “số từ + danh từ đơn vị + danh từ” trong tiếng Việt và cấu trúc “số từ + danh lượng từ + danh từ” trong tiếng Hán được xem là cách diễn đạt có tính cụ thể, chính xác, ví dụ “một cái bàn” (一张桌子), “hai con mèo” (两只猫), “ba chiếc xe” (三辆车)... Tuy nhiên, trong quá trình diễn đạt số lượng sự vật, sự việc, có nhiều trường hợp người nói tri nhận số lượng là ít, nhỏ, nhưng không thể đếm được chính xác số lượng là bao nhiêu, mà chỉ có thể dựa vào sự đánh giá, phỏng đoán chủ quan của bản thân để ước lượng, khiến “lượng ít” được diễn đạt này có tính mơ hồ, không cụ thể.

Như đã trình bày ở trên, các từ ngữ chỉ số lượng ít trong tiếng Việt thường gặp là “một

chút, một tí, một ít, một vài, một số”. Đối với các từ ngữ này, các nhà nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt đã có những quan điểm không giống nhau, chúng tôi đã khảo sát tài liệu có liên quan và thu thập được những kết quả như sau:

(1). Quy từ chỉ số lượng ít thành tiểu loại của danh từ. Trong sách “Ngữ pháp tiếng Việt”, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1983:78+107) cho rằng, các từ chỉ lượng nhỏ (như “vài, mấy”) là số từ, thuộc tiểu loại của danh từ, gọi là danh từ không xác định biểu thị số lượng ít. Bùi Mạnh Hùng (2011) cũng cho rằng, về bản chất từ loại, “một ít” và “một chút” được xem là ngữ danh từ (chỉ lượng).

(2). Quy từ chỉ số lượng ít thành số từ. Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung (1991/2000:107-110) và Nguyễn Chí Hòa (2004:114-115) quy số từ thành thành phần đơn lập của hệ thống từ loại, đồng thời chia số từ thành hai tiểu loại: số từ xác định và số từ không xác định. Trong đó, số từ không xác định biểu thị số lượng không xác định hoặc biểu thị con số ước lượng, bao gồm: “vài, một vài, vài ba”; “một số”; “một ít”; “mươi”; “mấy”.

Nguyễn Hữu Quỳnh (2001:147-148) cũng quy số từ thành phần riêng biệt của hệ thống từ loại, chỉ số lượng và số thứ tự, ông chia số từ thành ba loại: “số từ chỉ số lượng chính xác”, “số từ chỉ số lượng phỏng chừng”, “số từ chỉ thứ tự”. Trong đó, số từ chỉ số lượng phỏng chừng bao gồm “vài, dăm, mười, một vài, vài ba, dăm ba, đôi ba, mười lăm, vài nghìn, vài vạn”...

(3). Quy từ chỉ số lượng ít thành tiểu loại của “lượng ngữ”. Cao Xuân Hạo (2003:62) cho rằng, phía trước “danh ngữ” có thể mang thành phần “lượng ngữ”, nói rõ số lượng mà cụm danh từ đề cập. Trong số các lượng ngữ mà Cao Xuân Hạo liệt kê, lượng ngữ áng chừng bao gồm hai tiểu loại: “một ít, một chút”; “một số, vài, dăm, mười, vài ba, dăm ba”,...

Đối với ba cách phân loại trên, chúng tôi cho rằng: (1). Không thể quy từ chỉ số lượng ít “một chút, một tí, một ít, một vài, một số” thành tiểu loại của danh từ, vì trong số các từ ngữ này, “một chút, một tí” ngoài việc bỏ nghĩa cho danh từ ra, còn có thể bỏ nghĩa cho động từ, tính từ, nói rõ động lượng ít, thời lượng ngắn, mức độ thấp. Do vậy, dù các từ ngữ này chủ yếu bỏ nghĩa cho danh từ, nhưng nếu quy thành tiểu loại của danh từ thì tương đối phiến diện, không làm rõ chức năng bỏ nghĩa cho các thành phần động từ, tính từ khác. (2). Không thể quy thành số từ, vì “một chút, một tí, một ít, một vài, một số” chủ yếu chỉ “lượng” (bao gồm số lượng) của sự vật, sự việc, mức độ lượng này là nhỏ, ít mơ hồ, chứ không rõ ràng, cụ thể như con số, chúng khác biệt về từ tính và đặc trưng biểu thị với các số từ “một, hai, ba”, và số thứ tự “thứ nhất, thứ hai, thứ ba”... Do vậy, nếu quy thành “số từ” cũng không phù hợp. (3). Các từ ngữ chỉ số lượng ít trên có thể được gọi là “lượng ngữ” như quan điểm của Cao Xuân Hạo (2003), “lượng ngữ” chính là “đoạn ngữ chỉ lượng”, bao hàm ý nghĩa biểu thị mức độ “lượng” ít của số lượng, động lượng, thời lượng, mức độ, tính chất. Ngoài ra, những từ ngữ này đều biểu thị “lượng” không xác định, không cụ thể, nên chúng tôi có thể gọi là “lượng ngữ bất định”.

3. Đặc điểm ngữ pháp, ngữ dụng của các từ chỉ số lượng ít thông dụng trong tiếng Việt

Các từ ngữ “một chút, một tí, một ít, một vài, một số” dù cùng biểu thị số lượng ít, nhưng chúng đều có đặc điểm ngữ pháp, ngữ dụng riêng.

3.1. Một chút/một tí

Từ “một chút” trong tiếng Việt đứng trước danh từ, biểu thị số lượng ít. Bùi Mạnh Hùng (2011) cho rằng, “một chút + danh từ” ý nghĩa chỉ “một phần nhỏ, không đáng kể”, ví dụ: “có một chút thành tích”, “ăn thêm một chút (com) nữa đi”... Hình thức tính lược của “một chút” là “chút”, đều biểu thị số lượng ít của sự vật, sự

việc, ví dụ: “bớt chút thời gian, không chút tin tưởng”...

Đặc trưng ngữ pháp, ngữ nghĩa của “một chút” và “chút” cơ bản giống nhau, ví dụ: “*Đói bụng rồi, tôi phải ăn chút/ một chút com đã*”. Trong câu này, “một chút” và “chút” về ngữ nghĩa không có gì khác biệt, nhưng trong vài trường hợp, chỉ có thể dùng “chút” mà không thể dùng “một chút”, như “chút” có thể kết hợp với các từ “đôi, từng”, nhưng “một chút” thì không thể. Ví dụ: có thể nói “*Cô ấy đút cho con từng chút cháo*”, nhưng “*Cô ấy đút cho con từng một chút cháo*” thì không thể.

Ngoài ra, khi phía sau hai từ này không có thành phần danh từ, phạm vi sử dụng của “một chút” tương đối tự do, có thể đứng độc lập mà không cần thành phần đi kèm. Lúc này, lượng ngữ “một chút” có thể trực tiếp làm thành phần tân ngữ, còn “chút” thì có sự hạn chế nhất định. Ví dụ: “*Con cho nước vào nồi đi, cho một chút thôi*” hoặc “*Con cho nước vào nồi đi, cho chút thôi*” đều được. Nhưng “*Cà phê rất thơm, tôi phải uống một chút*” thì được, còn “*Cà phê rất thơm, tôi phải uống chút*” thì không thể.

Đặc trưng ngữ pháp của từ “một chút” được phân tích cụ thể như sau:

(1). “Một chút” kết hợp trực tiếp với danh từ, nhưng không thể mang danh từ đơn vị. Chúng ta không thể nói “một chút lít dầu”, “một chút cân thịt”, “một chút chén com”... mà chỉ có thể nói “một chút dầu”, “một chút thịt”, “một chút com”...

(2). “Một chút” có thể kết hợp với danh từ chỉ chất liệu hoặc danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên. Danh từ chỉ chất liệu thường chỉ các sự vật không định hình, trong không gian không thể phân lập thành một “vật thể”. “Một chút” có thể biểu thị một phần nhỏ của các “vật thể” không định hình này, chúng ta có thể nói “một chút muối, một chút nước, một chút gió, một chút bụi”... Thông thường, “muối, nước, gió, bụi” đều là các danh từ không đếm được, không

có giới hạn và hình dạng cố định trong không gian, nên không tính được cá thể. Nhưng trên thực tế, “muối, nước” có thể tính được lượng, chúng ta có thể dùng các danh từ đơn vị chỉ sự đo lường như “cân, kí, gam, bình, bát”... để lượng hóa các “vật thể” này, còn “gió, bụi” nếu không sử dụng các thiết bị đặc chế để đo lường thì chúng ta không thể tính được lượng một cách cụ thể, nhưng con người có thể cảm nhận được “lượng” này là bao nhiêu, mức độ “lượng” là lớn hay nhỏ.

(3). “Một chút” có thể kết hợp với danh từ hai âm tiết chỉ sự vật đếm được và không đếm được, biểu thị một lượng nhỏ hoặc một phần nhỏ của đối tượng được đề cập, như: “một chút vật dụng, một chút thông tin, một chút tài liệu” (kết hợp với danh từ đếm được), hoặc “một chút tên tuổi, một chút sức mạnh, một chút tình cảm” (kết hợp với danh từ không đếm được). Khi kết hợp với danh từ đếm được, “một chút” biểu thị một phần nhỏ của danh từ đứng sau, ví dụ “một chút thông tin” chỉ một phần nhỏ của “một thông tin”; “một chút vật dụng” chỉ một bộ phận nhỏ của vật dụng, bộ phận này không thể định hình thành số lượng là một, hai hay ba cá thể. Khi kết hợp với danh từ trừu tượng không đếm được, “một chút” chỉ mức độ thấp của danh từ đó, “một chút tên tuổi” chỉ mức độ nhỏ của “tên tuổi”, ý chỉ không nổi tiếng mấy; “một chút sức mạnh” chỉ một phần nhỏ của “sức mạnh”. Dù biểu thị ý nghĩa bộ phận nhỏ hay mức độ nhỏ, danh từ mà “một chút” bổ nghĩa chỉ các sự vật không có giới hạn (không có đường viền) trong không gian, do vậy, chúng ta không thể dùng cách diễn đạt thông thường để đếm số lượng hoặc đo lường được.

(4). “Một chút” thường không bổ nghĩa cho các danh từ chỉ người, chúng ta thường không nói “một chút người, một chút giáo viên, một chút sinh viên”... Có lúc, “một chút” cũng có thể kết hợp với danh từ chỉ người, nhưng không biểu thị số lượng, bộ phận nhỏ hay mức độ

thấp, mà chỉ tính cách, đặc trưng của người đó như thế nào. Ví dụ: “*Tính cách cô ấy vẫn còn một chút trẻ con*”. Trong câu này, “một chút trẻ con” không mang ý nghĩa chỉ số lượng trẻ con rất ít, mà nói rõ dù “cô ấy” đã lớn nhưng tính cách vẫn còn ngây thơ, nhõng nhẽo như trẻ con, nhưng mức độ ngây thơ, nhõng nhẽo ấy là rất thấp.

(5). Danh từ chỉ vật thể có thể phân biệt cá thể và cá thể, những cá thể này có thể chiếm một không gian nhất định, cũng có thể tồn tại độc lập và phân lập, những từ này có thể dùng danh từ đơn vị để tính số lượng như “cái, chiếc, con, cuốn, tấm”... “Một chút” không thể kết hợp với danh từ chỉ vật thể này, chúng ta thường không nói “một chút ghế, một chút bàn, một chút xe đạp”...

Trong một số trường hợp, “một chút” có thể kết hợp với các danh từ chỉ vật thể, nhưng không biểu thị số lượng, mà biểu thị một phần nhỏ của vật thể, động từ thường gặp là các động từ chỉ hoạt động ăn uống, danh từ đứng sau là các danh từ chỉ thực phẩm. Chúng ta có thể nói “ăn một chút cá, ăn một chút xoài”, ý chỉ một phần nhỏ của “một con cá, một trái xoài”, nhưng thường không nói “mua một chút cá, biểu một chút xoài”, vì các động tác “mua, biểu” thường phải sử dụng với cá thể từ “một” trở lên, nên chúng ta thường nói “mua vài con cá, tặng vài trái xoài”...

(6). “Một chút” không thể kết hợp với danh từ chỉ tập thể để biểu thị số lượng, chúng ta không thể nói “một chút gà vịt, một chút quần áo, một chút sách vở”... Có lúc, “một chút” có thể kết hợp với danh từ chỉ tập thể, nhưng không biểu thị số lượng, mà biểu thị ý nghĩa của các sự vật có liên quan. Ví dụ: “*Khách đến nhà phải có một chút gà vịt chứ*” hoặc “*Là phụ nữ, đi ra ngoài phải có một chút son phấn chứ*”. Ở hai ví dụ này, “gà vịt” ở đây không phải chỉ số lượng các vật thể phân lập “một con gà, hai con gà” hoặc “một con vịt, hai con vịt”, mà chỉ “thực phẩm” nói chung, ý nghĩa là khi

khách đến, chủ nhà thường chuẩn bị một ít đồ ăn thức uống để tiếp đãi khách; “một chút sơn phấn” chỉ sự trang điểm và chăm chút diện mạo bên ngoài của phụ nữ nói chung.

“Một tí” và “một chút” về đặc điểm ngữ nghĩa, ngữ dụng và biểu thị mức độ số lượng ít cơ bản như nhau. Trong nhiều trường hợp, hai từ này có thể thay thế cho nhau, ý nghĩa không đổi, ví dụ: “ăn một tí/một chút cơm”, “ra ngoài có một tí/một chút việc”... Điểm khác biệt chính giữa hai từ này mà chúng tôi khảo sát được là: “một tí” thường dùng trong khẩu ngữ, “một chút” có thể dùng trong khẩu ngữ và văn viết. Ngoài ra, hai từ này khi sử dụng còn mang đặc trưng phương ngữ vùng miền, người miền Bắc Việt Nam thường dùng từ “một tí”, người miền Trung và miền Nam thường dùng từ “một chút”. Do vậy, bài viết sử dụng từ “một chút” để đại diện cho đặc trưng ngữ dụng của từ “một tí” mà không phân tích thêm.

3.2. Một ít

Lượng ngữ “một ít” có thể kết hợp với danh từ, chỉ số lượng của sự vật, sự việc là ít, ví dụ: “mua một ít cá, đổi một ít tiền”... Ý nghĩa của từ “một ít” có lúc tương đương với từ “一点儿”, có lúc tương đương với từ “一些” trong tiếng Hán. Hình thức tình lược của từ “một ít” là “ít”. Đặc trưng biểu thị số lượng ít của hai từ này đôi lúc có sự tương đồng, ví dụ “mua ít/một ít rau”, “bán ít/một ít thịt”..., nhưng đôi lúc cũng có sự khác biệt, ví dụ: “*Anh buổi tối ăn ít cơm thôi*” và “*Chị mang ít cá về ăn đi*”. Trong ví dụ đầu, từ “ít” tương đương với phó từ “少” trong tiếng Hán, đứng trước động từ biểu thị động lượng nhỏ, mức độ nhẹ của hành vi, động tác được tiến hành. Trong ví dụ sau, từ “ít” kết hợp với danh từ, biểu thị số lượng danh từ ít, lúc này, ý nghĩa của “ít” tương đương với “một ít” (一点儿/一些). Các đặc điểm ngữ dụng của “một ít” cụ thể như sau:

(1). “Một ít” chỉ lượng ít của vật thể, số lượng này nhiều hơn “một”, có thể đo lường

hoặc đếm được. Danh từ đứng sau “một ít” có thể là danh từ đếm được hoặc danh từ không đếm được, ví dụ “một ít sách, một ít đồ dùng”. Trong đó, “một ít sách” chỉ dăm ba hoặc dăm bảy cuốn sách, “một ít đồ dùng” chỉ dăm ba hoặc dăm bảy đồ dùng, chỉ số lượng không lớn.

“Một ít” cũng có thể bỏ nghĩa cho danh từ trừu tượng, ví dụ “một ít thông tin, một ít thời gian”. “Thông tin” và “thời gian” là các danh từ mang tính trừu tượng, nhưng chúng có thể định hình và được tri nhận là một “danh từ vật thể” có thể đếm được, như “một thông tin, hai thông tin”, nhưng số lượng không nhiều, hoặc có thể đếm được các lượng thời gian như “phút, giờ, ngày, tuần,...”.

Dù cả hai từ đều kết hợp được với danh từ trừu tượng, nhưng khi sử dụng “một ít” và “một chút” thì ý nghĩa biểu thị có sự khác biệt. Trong những trường hợp này, nếu chúng ta nói “một chút thông tin” ý chỉ một phần rất nhỏ, hay mức độ rất nhỏ của “một thông tin”; “một chút đồ dùng” chỉ một phần nhỏ của đồ dùng, không thể được tính là một, hai hoặc ba đồ dùng. Khi chúng ta nói “một chút thời gian” thì “thời gian” được coi là một “cá thể” vô định hình giống như vật chất, biểu thị lượng nhỏ, không thể đếm được. Đối với các từ chỉ ý nghĩa trừu tượng như “sức mạnh, cảm nhận, suy nghĩ,...”, chúng ta đều có thể tri nhận như vậy khi sử dụng từ “một ít” và “một chút”.

(2). “Một ít” không biểu thị một phần nhỏ hoặc một mức độ nhỏ của sự vật mang tính cá thể. Khi muốn biểu thị một phần nhỏ của một cá thể, chúng ta chỉ có thể dùng “một chút”, mà không thể dùng “một ít”. Ví dụ: “*Nếu yêu cô ấy, bạn nên thể hiện một chút tình cảm*”. Trong ví dụ này, “một chút tình cảm” chỉ mức độ nhỏ của “một tình cảm”, người nói muốn khuyên người nghe nên thể hiện một phần tình cảm của mình với đối phương, chứ không biểu thị ý nghĩa là bày tỏ hai hoặc ba tình cảm. Do vậy, trong trường hợp này, chúng ta thường nói “một

chút tình cảm” chứ không nói “một ít tình cảm”. Trong tiếng Hán cũng nói “一点儿感情”, chứ không thể nói “一些感情”.

(3). “Một ít” có thể kết hợp trực tiếp với danh từ, phía sau không thêm danh từ đơn vị, ví dụ có thể nói “một ít bàn, một ít sách, một ít xe hơi, một ít cá, một ít thịt...”, nhưng không thể nói “một ít cái bàn, một ít cuốn sách, một ít chiếc xe hơi, một ít con cá, một ít cân thịt...”

(4). “Một ít” có thể kết hợp với danh từ không đếm được chỉ chất liệu hoặc danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên. Chúng ta có thể nói “một ít gạo, một ít nước, một ít đường”, cũng có thể nói “một ít bụi, một ít gió, một ít mây”... Tuy nhiên, khi dịch sang tiếng Trung thì việc lựa chọn dịch thành “一点儿” hoặc “一些” lại tùy thuộc vào sự tri nhận số lượng của người nói và ngữ cảnh sử dụng khác nhau. Ví dụ: “*Con đi chợ nhớ mua một ít gạo nhé!* (你去市场时, 记得买一些大米哦。)", “*Canh này phải cho thêm một ít nước nữa.* (这个汤要加一点儿水。)". Trong ví dụ đầu, khi đi chợ mua gạo, chúng ta thường mua một cân, hai cân hoặc chục cân, lượng gạo cần mua là không ít, do vậy, trường hợp này “một ít” nên dịch thành “一些”. Trong ví dụ sau, người nói yêu cầu đối phương thêm nước vào nồi canh, nhưng mức nước yêu cầu thêm vào là không nhiều, nên dịch thành “一点儿”.

Cả "một ít" và "một chút" đều có thể bỏ nghĩa cho danh từ chỉ vật liệu và danh từ chỉ các hiện tượng tự nhiên, nhưng việc lựa chọn từ ngữ nào còn dựa vào tri nhận của người nói và ngữ cảnh sử dụng. Ví dụ: khi đi mua sắm, “muối, đường” có thể được đo bằng đơn vị đo lường “kí, lạng, chai”, với số lượng không ít, lúc này có thể dùng "một ít" để diễn đạt, ví dụ: “*Bạn mua giúp tôi một ít muối/một ít đường*”. Ngược lại, khi ăn uống hoặc nấu nướng, chúng ta thường dùng lượng muối và đường rất ít, lúc đó nên dùng từ “một chút”, ví dụ: “*Con cho thêm một chút muối vào canh đi*”.

(5). “Một ít” có thể kết hợp với danh từ đếm được và không đếm được, bao gồm danh từ trừu tượng. Chúng ta có thể nói “một ít việc, một ít vật dụng, một ít sức lực, một ít thời gian”... Căn cứ vào ngữ cảnh và tri nhận ngôn ngữ khác nhau, người nói có thể lựa chọn cách dịch của từ “một ít” thành “一点儿” và “一些”. Ví dụ: “*Tôi có một ít việc cần nhờ anh giúp đỡ.* (我有一些事情想请你帮忙)”, “*Cho tôi một ít thời gian để suy nghĩ về vấn đề này.* (给我一点儿时间考虑这个问题)”. “Một ít việc” chỉ số lượng sự việc là trên “một”, sự việc mà người nói muốn nhờ đối phương giúp đỡ là không ít, nên dịch thành “一些”. “Một ít thời gian” chỉ một khái niệm trừu tượng, người nói không đề cập rõ thời gian cụ thể là mấy ngày, mấy tuần, nhưng vì không muốn người nghe lo lắng hoặc vì muốn giảm thiểu lượng thời gian nên dùng từ “một ít”, vì vậy nên dịch thành “一点儿”.

(6). “Một ít” có thể kết hợp với danh từ chỉ người. Ví dụ: “*8 giờ họp mà bây giờ mới có một ít người đến.* (八点开会, 但现在只有一些人来。)”

Ngoài danh từ “người” ra, các danh từ chỉ người khác thường không kết hợp với “một ít”. Ví dụ, tiếng Việt thường không nói “*Trường sẽ chọn một ít học sinh tham gia thi đấu bóng chuyền.* (学校会选取一些学生参加排球比赛)”, “*Có một ít cán bộ trình độ Thạc sĩ, đa số đều là Cử nhân.* (有一些干部有硕士学位, 大多数都有学士学位)”

(7). “một ít” có thể kết hợp với danh từ tập thể, chúng ta có thể nói “một ít quần áo, một ít bàn ghế, một ít sách vở, một ít gà vịt, một ít xe cộ”... Ví dụ, có thể nói: “*Hôm nay có ấy phải mang một ít sách vở về nhà.* (这次暑假他要带一些书本回家)”, “*Ông ấy phải bán một ít gà vịt để có tiền cho con nộp học phí.* (为了给孩子交学费, 他要卖出一些鸡鸭挣钱)”. Sở dĩ “một ít” có thể kết hợp với

danh từ tập hợp vì từ này biểu thị số lượng ít, nhưng số lượng này không phải là thấp nhất nên có thể được sử dụng, về ngữ nghĩa biểu thị tương đương với từ “一些” trong tiếng Hán.

(8). Khi về trước câu đã đề cập rõ ràng thành phần danh từ, danh từ đứng sau “một ít” có thể được tỉnh lược. Ví dụ: “*Chuối này bao nhiêu tiền một cân? Bán cho tôi một ít.* (音译: 这种香蕉多少钱一斤? 卖给我 一些). “Một ít” thường bỏ nghĩa cho danh từ đứng sau, nói rõ đối tượng được đề cập là ít. Trong trường hợp này, do thành phần đứng trước đã xuất hiện danh từ vị ngữ, thành phần danh từ đứng sau có thể được tỉnh lược.

3.3. Một vài

“Một vài” trong tiếng Việt tương đương với từ “一些” trong tiếng Hán, đứng sau danh từ tạo thành kết cấu “một vài + danh từ”, chỉ số lượng sự vật, sự việc ít, không xác định, ví dụ: “nói một vài câu, đi một vài nơi, một vài giáo viên, một vài học sinh”... Hình thức tỉnh lược của “một vài” là “vài”, chỉ số lượng ước đoán không nhiều, ý nghĩa và cách dùng tương tự “một vài”. Chúng ta có thể nói “mua vài cái bàn, phát biểu vài câu, đọc vài cuốn sách”... Ngữ pháp chính của từ “một vài” được biểu thị như sau:

(1). “Một vài” có thể bỏ nghĩa cho danh từ chỉ người, phía sau có danh từ đơn vị hay không, câu đều có thể tồn tại, ví dụ: “một vài vị bộ trưởng, một vài anh kỹ sư” hoặc “một vài bộ trưởng, một vài kỹ sư”... đều có thể diễn đạt, ý nghĩa không đổi. Tuy nhiên, khi sử dụng danh từ đơn vị, sắc thái biểu cảm trang trọng, lịch sự của cụm từ sẽ được nâng cao hơn.

(2). Khi kết hợp với danh từ đếm được và danh từ không đếm được, giữa “một vài” và danh từ phải có danh từ đơn vị. Chúng ta có thể nói “một vài cuốn sách, một vài chai rượu, một vài con cá”... Nhưng không thể nói “một vài sách, một vài rượu, một vài cá”...

(3). Có lúc, “một vài” có thể kết hợp trực tiếp với danh từ chỉ vật và danh từ trừu tượng, ví dụ có thể nói “một vài nơi, một vài việc, một vài khó khăn, một vài thách thức”...

(4). “Một vài” có thể kết hợp với danh từ chỉ đơn vị hành chính là danh từ tập thể hoặc danh từ cá thể, phía sau không mang danh từ đơn vị, ví dụ, có thể nói “một vài tỉnh thành, một vài quốc gia, một vài xã, một vài thôn”...

(5). Khi thành phần tân ngữ đã được đề cập phía trước, tân ngữ đứng sau sẽ được tỉnh lược, lúc đó “một vài” không thể đơn lập kết hợp với động từ, nhưng từ tương ứng là “一些” trong tiếng Hán thì có thể sử dụng. Ví dụ: “**Anh muốn mua mấy cây bút? Mua một vài.* (你要买几支笔? 买 一些), “**Chị viết báo cáo mấy trang? Chỉ viết một vài.* (你写报告几页? 只写 一些)”. Trong các ví dụ này, chúng ta không thể đơn lập nói “mua một vài”, “viết một vài”, nếu phía sau thêm danh từ đơn vị “mua một vài cây”, “viết một vài trang” thì câu mới có thể tồn tại. Lúc này, từ “một vài” có thể được tỉnh lược thành từ “vài” là “mua vài cây”, “viết vài trang”, thành phần đứng sau có thể mang hoặc không mang danh từ.

(6). “Một vài” có thể kết hợp với một số danh từ tập hợp chỉ người hoặc danh từ tập hợp chỉ đơn vị hành chính, ví dụ “một vài anh em, một vài thầy cô”, “một vài tỉnh thành, một vài đơn vị”... Nhưng “một vài” không thể kết hợp với danh từ tập hợp chỉ vật, ví dụ không thể nói “một vài quần áo, một vài sách vở, một vài nhà cửa, một vài bàn ghế, một vài xe cộ”...

3.4. Một số

Từ “một số” trong tiếng Việt chỉ số lượng ít người hoặc vật, ví dụ “gặp một số người, đi một số nơi, làm một số việc”... Hình thức tỉnh lược của từ “một số” là từ “số”, nhưng từ này thường không biểu thị số lượng ít, chúng ta không thể nói “gặp số người, đi số nơi, làm số việc”...

(1). Khi kết hợp với danh từ chỉ người, sau từ “một số” có thể mang hoặc không mang danh từ đơn vị, chúng ta có thể nói “một số vị bác sĩ, một số chị kế toán, một số anh kiến trúc sư” hoặc “một số bác sĩ, một số kế toán, một số kiến trúc sư”... Trong các trường hợp này, ý nghĩa của các cụm từ không thay đổi, nhưng những cụm từ mang danh từ đơn vị sẽ nhấn mạnh sắc thái biểu cảm của người nói nhiều hơn.

(2). Khi kết hợp với danh từ không đếm được, giữa “một số” và danh từ phải có danh từ đơn vị. Chúng ta có thể nói “một số lon nước ngọt, một số bao gạo, một số con gà, một số tờ giấy”..., nhưng không thể nói “một số nước ngọt, một số gạo, một số gà, một số giấy”...

(3). “Một số” có thể kết hợp trực tiếp với danh từ chỉ nơi chốn, danh từ chỉ đơn vị hành chính và danh từ trừu tượng có tính “cá thể” và đếm được, mà không cần sự xuất hiện của danh từ đơn vị. Chúng ta có thể nói “một số cơ quan, một số nhà máy, một số tỉnh thành, một số quốc gia, một số thủ tục, một số ý kiến”...

(4). “Một số” không thể kết hợp với danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên và danh từ trừu tượng không đếm được, ví dụ không thể nói “một số mưa, một số mây, một số sức lực”...

(5). Khi thành phần tân ngữ là danh từ xuất hiện ở vế câu phía trước, thành phần danh từ phía sau có thể được tỉnh lược, lúc này, “một số” có thể được sử dụng đơn lập. Ví dụ có thể nói: “*Anh ấy đi du học mua rất nhiều sách, lần trước đã chuyển về nước một số rồi*”, “*Đàn lợn trong nhà đã lớn, ông ấy quyết định bán một số để có tiền trang trải cuộc sống.*”

(6). “Một số” có thể bỏ nghĩa cho một số danh từ tập hợp chỉ những vật nhỏ, ví dụ “một số tôm cá, một số ếch nhái, một số ruồi muỗi”...

(7). “Một số” có thể kết hợp với các danh từ tập hợp chỉ người hoặc vật, có thể nói “một số sách vở, một số bàn ghế, một số xe cộ, một số anh em, một số bạn bè”... Do số lượng mà “một

số” biểu thị không phải là rất ít, rất nhỏ, nên phạm vi sử dụng của từ này tương đối rộng.

4. So sánh đặc trưng chỉ “lượng” của các từ chỉ số lượng ít trong tiếng Việt

Trong tiếng Việt, các từ biểu thị số lượng ít có nhiều điểm tương đồng và khác biệt. Trong số các từ này, “một chút” và “một tí” có đặc điểm ngữ nghĩa, ngữ dụng, mức độ lượng cơ bản như nhau, trong nhiều trường hợp, hai từ này có thể thay thế mà ý nghĩa không đổi. Sự khác biệt của chúng nằm ở văn phong sử dụng và tính vùng miền như đã đề cập ở trên. Do đó, trong nội dung so sánh dưới đây, chúng tôi quy hai từ ngữ này thành một cụm để thuận tiện cho việc so sánh.

Trong số các từ chỉ số lượng ít “một chút/một tí, một ít, một vài, một số”, có từ biểu thị số lượng lớn hơn một chút, có từ biểu thị số lượng nhỏ hơn một chút. Theo khảo sát của chúng tôi ở trên, “một chút/một tí” có thể biểu thị một phần nhỏ của sự vật, “lượng” được biểu thị không thể cấu thành một cá thể có thể đếm được, do vậy, “lượng” mà “một chút/một tí” biểu thị có thể được xem là nhỏ nhất.

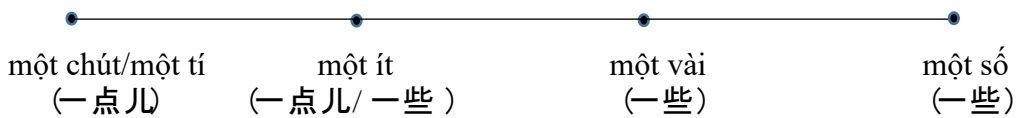
Các sự vật mà “một ít, một vài, một số” biểu thị có thể đếm được số lượng, nhưng mức độ “lượng ít” mà ba từ này đề cập lại có điểm khác biệt. Ví dụ: “*Tôi có một ít ý kiến về vấn đề này.* (对于这个问题, 我有一 点儿 / 一些 意见。)”, “*Tôi có một vài ý kiến / một số ý kiến về vấn đề này.* (对于这个问题, 我有一 些 意见)”. Ở các ví dụ này, số lượng “ý kiến” trong cụm “một ít ý kiến” có thể là hai, ba hoặc nhiều hơn một chút, nhưng số lượng “ý kiến” mà “một vài” và “một số” biểu thị lại nhiều hơn. Như vậy, “lượng ít” mà “một ít” biểu thị sẽ nhỏ hơn “một số, một vài”.

Ngoài ra, theo khảo sát của chúng tôi, số lượng mà “một vài” biểu thị sẽ ít hơn “một số”. Ví dụ: “*Có một vài sinh viên/một số sinh viên không tuân thủ quy định của trường.*” (有 二

些 学生不遵守学校的规定). “Một vài sinh viên” chỉ số lượng sinh viên không nhiều, thường là năm bảy sinh viên, nhưng “một số sinh viên” chỉ số lượng sinh viên có thể là mười, mười mấy, thậm chí mấy chục sinh viên. Do vậy, “một số” được dùng để biểu thị cách ước lượng chủ quan, với người này, “một số” biểu thị số lượng ít, nhưng với người khác, “một số” lại biểu thị số lượng nhiều hơn, nhưng

số lượng dù lớn nhỏ khác nhau nhưng người nói vẫn tri nhận số lượng này là ít.

Như vậy, mặc dù “một chút/một tí, một ít, một vài, một số” đều biểu thị số lượng ít, nhưng phạm vi “lượng hóa” của chúng có sự khác biệt về mức độ ít này. Căn cứ kết quả phân tích như trên, chúng tôi sắp xếp mức độ số lượng ít của các từ ngữ theo thứ tự: “một chút/một tí < một ít < một vài < một số”, và dùng biểu đồ để khu biệt sự so sánh tương ứng với tiếng Hán:



5. So sánh từ chỉ số lượng ít trong tiếng Việt và các yếu tố liên quan trong tiếng Hán

Các từ “một chút/một tí, một ít, một vài, một số” trong tiếng Việt và “一点儿, 一些” trong tiếng Hán đều biểu thị số lượng nhỏ và ít không xác định. Vương Trúc Nhân, Lữ Thế Hoàng, Huỳnh Diệu Vinh (2006:645+647) đã dịch từ “一点儿” trong tiếng Hán thành “một ít, một chút, một tí”, và dịch từ “一些” thành hai ý nghĩa: một ít; một số, mấy. Chúng tôi rất tán đồng với cách dịch này, đồng thời nhấn mạnh “một ít” vừa có đặc trưng biểu thị của “一点儿”, vừa có đặc trưng biểu thị của “一些”. Lượng mà “một ít” biểu thị có lúc rất nhỏ, có lúc không nhỏ, khi người nói tri nhận mức độ lượng là ít, có thể dịch thành “一点儿”, khi người nói tri nhận mức độ lượng nhiều hơn một chút, có thể dịch thành “一些”. Ngoài ra, “một ít” dịch thành “一点儿” hay “一些” đều có liên quan đến danh từ đi kèm, thông thường, danh từ đếm được thường kết hợp với “một ít”, tương đương với từ “一些”, danh từ không đếm được thường kết hợp với “một ít”, tương đương với từ “一点儿” trong tiếng Hán, có lúc căn cứ vào ngữ cảnh cụ thể để xác định như đã phân tích ở trên.

5.1. “Một chút/một tí, một ít” và “一点儿”

Giữa “一点儿” trong tiếng Hán và các từ “một chút, một tí, một ít” trong tiếng Việt vừa có điểm tương đồng vừa có điểm khác biệt. Cụ thể như sau:

(1). “一点儿” và “một chút/một tí, một ít” đều có thể đứng sau động từ, trước danh từ biểu thị số lượng sự vật, sự việc là ít. Trong Hán ngữ có thể nói “吃一点儿饭”, trong tiếng Việt cũng có thể nói “ăn một chút/một tí cơm, ăn một ít cơm”. Trong các trường hợp này, “lượng” mà “một ít cơm” biểu thị nhiều hơn “một chút/một tí cơm”.

(2). Khi về trước của câu đã có danh từ tân ngữ, từ “一点儿” trong tiếng Hán và các từ “một chút/một tí, một ít” trong tiếng Việt đều có thể tồn tại độc lập. Ví dụ: “你要多少汤? / 一点儿。” *Anh muốn (ăn) bao nhiêu/chừng nào canh? Một chút/một tí/một ít (thôi).*

(3). “一点儿” và “một chút, một tí, một ít” có thể kết hợp với danh từ chỉ chất liệu, phía sau không mang lượng từ/danh từ đơn vị. Ví dụ, có thể nói “一点儿盐”, “một chút/một tí /một ít muối”; “一点儿水”, “một chút/một tí/một ít nước”...

(4). “一点儿” và “một chút, một tí, một ít” đều không thể bổ nghĩa cho danh từ chỉ thời

gian, trong Hán ngữ không thể nói “一点儿日子”, tiếng Việt cũng không thể nói “một chút ngày, một tí ngày”; hoặc không thể nói “一点儿月”, “một chút tháng, một tí tháng”... “Một ít” có lúc biểu thị số lượng ít, tương đương với từ “一点儿”, có lúc biểu thị số lượng không ít, tương đương với từ “一些”. Do vậy, khi biểu thị lượng thời gian nhiều hơn một chút, chúng ta có thể nói “một ít ngày”, “một ít tháng”, “một ít năm”, lúc này, từ “một ít” sẽ được dịch thành “一些”.

(5). Từ “一点儿” trong tiếng Hán có thể trùng điệp là “一点一点, 一点点”, trong tiếng Việt, “một chút, một tí, một ít” cũng có hình thức láy là “một chút chút, một chút chun”, “một tí tí, một tí tí”, còn “một ít” thường không được trùng điệp thành “một ít ít, một ít một ít”. Các từ láy trong tiếng Việt thường không được sử dụng phổ biến. Ví dụ: “我今天身体不太好, 只能喝一点点酒” (*Hôm nay tôi không được khỏe, chỉ có thể uống một chút chút/một tí tí/một ít ít rượu.*; 我吃饱了, 给我一点点饭就好。 (*Tôi ăn no rồi, bới một chút chút/một tí tí/một ít ít cơm thôi.* (Dịch ý *Hôm nay tôi không được khỏe, chỉ có thể uống một chút xíu/một tí xíu rượu thôi./ Tôi no rồi, bới một chút xíu/một chút ít cơm thôi.*))

(6). Từ “一点儿” trong tiếng Hán và các từ “một chút, một tí” trong tiếng Việt đều có thể dùng trong câu phủ định. Hình thức sử dụng trong tiếng Hán là “一点儿...也/都不...”, hình thức sử dụng trong tiếng Việt là “không... một chút nào (cả)”. Trong trường hợp này, “một chút, một tí” có thể sử dụng, “một ít” không thể sử dụng. Ví dụ: “中午我一点儿饭也/都不吃” (*Buổi trưa tôi không ăn một chút/một tí cơm nào cả/ *Buổi trưa tôi không ăn một ít cơm nào cả.*) “他从来一点儿酒也/都不喝。” (*Từ trước đến giờ anh ấy không uống một chút/một tí rượu nào cả./ *Từ trước đến giờ anh ấy không uống một ít rượu nào cả.*)

Trong câu phủ định, từ “一点儿” trong tiếng Hán và các từ “một chút/một tí” trong tiếng Việt có thể biểu thị lượng nhỏ nhất, có lúc gần như là “không”, do vậy chúng đều được sử dụng trong câu phủ định. Lượng mà từ “một ít” biểu thị có lúc rất nhỏ, có lúc nhiều hơn “rất nhỏ”, nên không thể sử dụng trong câu phủ định.

5.2. “Một ít, một vài, một số” và “一些”

Giữa từ “一些” trong tiếng Hán và các từ “một ít, một vài, một số” trong tiếng Việt đều có nhiều điểm tương đồng và khác biệt. Cụ thể như sau:

(1). “一些” và “một ít, một vài, một số” đều có thể kết hợp với danh từ biểu thị số lượng ít, mà không cần thành phần lượng từ/danh từ đơn vị, ví dụ tiếng Hán có thể nói “买一些用品”, trong tiếng Việt cũng có thể nói “mua một ít/một vài/một số đồ dùng”. Khi sử dụng “một ít, một vài, một số”, số lượng mà “một vài” biểu thị cao hơn “một ít”, nhỏ hơn “một số”.

(2). Từ “一些” có thể trùng điệp là “一些些”, nhưng các từ “một ít, một vài, một số” trong tiếng Việt lại không thể trùng điệp, chúng ta thường không nói “một ít ít, một ít một ít, một vài vài, một vài một vài, một số số, một số một số”.

(3). Từ “一些” trong tiếng Hán và các từ “một vài, một số” trong tiếng Việt đều có thể bỏ nghĩa cho danh từ chỉ người hoặc danh từ chỉ đơn vị hành chính, biểu thị số lượng không nhiều, nhưng “một ít” thường không kết hợp với các danh từ này. Ví dụ “一些学生” tương ứng với “một vài/một số học sinh”; “一些省市” tương ứng với “một vài/một số tỉnh thành”, nhưng chúng ta thường không nói “một ít học sinh, một ít tỉnh thành”.

(4). Từ “一些” trong tiếng Hán và các từ “một ít, một vài, một số” trong tiếng Việt đều có thể bỏ nghĩa cho danh từ chỉ thời gian, ví dụ “一些日子” tương ứng với “một ít ngày, một vài

ngày, một số ngày”, “一 些 年” tương ứng với “một ít năm, một vài năm, một số năm”...

(5). Từ “一 些” trong tiếng Hán và các từ “một ít, một vài, một số” trong tiếng Việt thường không dùng trong câu phủ định, ví dụ, Hán ngữ không thể nói “我 家 里 没 有 一 些 大 米 了”, “他 不 提 出 一 些 意 见”, tiếng Việt cũng không thể nói “Trong nhà tôi không còn một ít/một vài/một số gạo rồi”, “Anh ấy không đưa ra một ít/một vài/một số ý kiến”.

Ngoài ra, khi kết hợp với danh từ trừu tượng và danh từ đếm được, “一 些” và “một ít, một vài, một số” cũng có điểm khác biệt, ví dụ:

(a) 对于这个问题, 我有一些意见。(danh từ trừu tượng)

Về vấn đề này, tôi có một ít/ một vài/ một số ý kiến.

(b) 目前还有一些学生还没交学费。(danh từ đếm được chỉ người)

Hiện tại vẫn còn một ít/một vài/một số sinh viên chưa đóng học phí.

(c) 今天去书店我买了一些笔。(danh từ đếm được chỉ vật)

Hôm nay đi nhà sách tôi có mua một ít một vài/một số (cây) bút.

(d) 家里还有一些大米, 改天去买吧。(danh từ không đếm được chỉ vật)

Trong nhà vẫn còn một ít gạo, hôm sau đi mua vậy.

Trong nhà còn một vài/ một số bao/kí gạo, hôm sau đi mua vậy.

Trong các câu trên, từ “一 些” trong tiếng Hán có thể trực tiếp bổ nghĩa cho danh từ, không mang lượng từ. Trong tiếng Việt, “một ít” có thể trực tiếp bổ nghĩa cho danh từ trừu tượng, danh từ đếm được chỉ người, danh từ đếm được và không đếm được chỉ vật. “Một vài, một số” ngoài việc kết hợp trực tiếp với danh từ trừu tượng, danh từ chỉ người và danh

từ chỉ vật ra, còn có thể kết hợp với danh từ không đếm được, nhưng giữa chúng và danh từ phải có danh từ đơn vị tính lượng.

6. LỜI KẾT

Các từ ngữ biểu thị số lượng ít trong tiếng Việt phong phú, đa dạng, chúng thường được xem là gần nghĩa, vì đều biểu thị một số lượng nhỏ, ít, có tính ước chừng và không chính xác, người Việt hầu như không dùng sai các từ này vì đây thuộc về thói quen ngôn ngữ của tiếng mẹ đẻ, nhưng để phân biệt một cách rõ ràng về ngữ pháp, ngữ dụng và mức độ chỉ “lượng” giữa chúng không phải là điều đơn giản. Không chỉ vậy, số lượng ít mà các từ này biểu thị đều rất mơ hồ, đôi lúc người nói cũng không nắm rõ lượng ít là bao nhiêu mà chỉ dựa theo sự phán đoán và đánh giá chủ quan của chủ thể sử dụng, và được lựa chọn diễn đạt theo tri nhận ngôn ngữ của người nói cùng ngữ cảnh sử dụng.

Các từ biểu thị số lượng ít “một chút, một tí, một ít, một vài, một số” trong tiếng Việt tương ứng với lượng từ bất định “一 点 儿, 一 些” trong tiếng Hán, trong đó “một chút, một tí, một ít” tương ứng với “一 点 儿”, “một ít, một vài, một số” tương ứng với “一 些”. Trên phương diện ngữ pháp và ý nghĩa biểu thị số lượng ít, các thành phần diễn đạt của tiếng Việt phong phú, đa dạng hơn tiếng Hán, mức độ lượng ít cao thấp cũng có sự khác biệt. Sự khác nhau về môi trường sống, phương thức tư duy, quan niệm tri nhận của hai dân tộc khác nhau đã dẫn đến cách nhìn nhận sự vật, sự việc với sự phân chia số lượng sự vật, sự việc cũng có sự khác biệt. Do vậy, người Việt Nam học tiếng Hán và người nước ngoài, cụ thể là người Trung Quốc khi học tiếng Việt cần phân biệt ý nghĩa, đặc điểm ngữ dụng và mức độ lượng ít phù hợp để có sự lựa chọn từ ngữ thích hợp khi dịch song ngữ Việt - Hán.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Mạnh Hùng (2011), *Sự phân biệt về ý nghĩa và cách dùng giữa “một ít” và “một chút”, Tạp chí Ngôn ngữ số 12*, tr. 24-37.
- [2] Cao Xuân Hạo (2003), *Tiếng Việt, văn Việt, người Việt*, Hồ Chí Minh, NXB Trẻ.
- [3] Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung (1991/2000), *Ngữ pháp tiếng Việt* (tập I), Hà Nội, NXB Giáo dục.
- [4] Lưu Văn Hy chủ biên (2009), *Từ điển Tiếng Việt*, Hồ Chí Minh, NXB Thanh niên.
- [5] Nguyễn Chí Hòa (2004), *Ngữ pháp tiếng Việt thực hành*, Hà Nội, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] Nguyễn Hữu Quỳnh (2001), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Hà Nội, NXB Từ điển bách khoa.
- [7] Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1983), *Ngữ pháp Tiếng Việt*, Hà Nội, NXB Khoa học xã hội.
- [8] Vương Trúc Nhân, Lữ Thế Hoàng, Huỳnh Diệu Vinh (2006), *Từ điển Hán Việt - Việt Hán*, Hà Nội, NXB Văn hóa thông tin.
- [9] <http://tiengviet-tv.blogspot.com/2014/03/mot-chut-mot-it-mot-so-mot-vai.html>
- [10] 邓瑞莲 (2020), 现代汉语动作小量表达研究. 上海师范大学博士学位论文.
- [11] 沈家煊 (1995), “有界”与“无界”, 中国语文, 第5期, 367 – 380.
- [12] 宋孝才 (1982), 不定量词 “点儿” 与 “些” 比较. 语言教学与研究, 第3期, 81-86.